

Số: 22/2025/QĐST- DS

Đ, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 298/2024/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP C T V N.**

Địa chỉ: Số 108, đường Trần Hưng Đ, Phường Cửa N, Quận D, Thành phố Hà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C T V N.

Người đại theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc Thạch; Chức vụ: Phó Giám Đốc Ngân hàng TMCP C T V N – Chi nhánh L. (Theo văn bản uỷ quyền số 652/UQ -HĐQT –NHCT –PCTT3 ngày 25/6/2024 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C T V N).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại Toà: Ông Trương Đình M, sinh năm 1990; Địa chỉ: số 46/6, đường Hùng V, Phường 9, Thành phố Đ, Tỉnh L. Chức vụ: Phó Phòng bán lẻ; Ngân hàng TMCP C T V N– Chi nhánh L. (Theo văn bản uỷ quyền số 363/UQ –CNLD-TH ngày 27/3/2025 của Ngân hàng TMCP C T V N- Chi nhánh L).

- Bị đơn:

1. Bà Văn Thị Mi Th, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Lô A3, KQH Phan Đình Ph - Nguyễn Văn Tr, Phường H Thành phố Đ, Tỉnh L.

2. Ông **Ngô Viết Minh S**, sinh năm 1993

3. Ông **Ngô Viết Minh N** sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Số 9A/12 đường Hai Bà Tr, Phường H, Thành phố Đ Tỉnh L.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Ngô Viết Minh Sơn**, ông **Ngô Viết Minh N**: Bà **Văn Thị Mi Th**, sinh năm 1972. (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 10/01/2025, số công chứng 253, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD).

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 79/3 đường Bùi Thị X, Phường R, Thành phố Đ, Tỉnh L

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Hồ Thị Liên**: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 157/2 Phan Đình P, Phường R, Thành phố Đ, Tỉnh L. (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 15/03/2025, số công chứng 1756, quyền số 03/2025TP/CC-SCC/HĐGD).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà **Văn Thị Mi Th** đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP C T V N tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 6.583.495.999 đồng (sáu tỷ năm trăm tám mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Trong đó: số tiền nợ gốc là 5.650.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 933.495.999 đồng.

2.2. Ông **Ngô Viết Minh N** đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP C T V N tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 11.602.310.226 đồng (mười một tỷ sáu trăm lẻ hai triệu ba trăm mười nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó: số tiền nợ gốc là 9.999.280.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.603.030.226 đồng.

2.3. Ông **Ngô Viết Minh S** đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP C T V N tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 7.784.349.601 đồng (bảy tỷ bảy trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm lẻ một nghìn). Trong đó: số tiền nợ gốc là 6.666.600.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.117.749.601 đồng.

2.4. Bà **Văn Thị Mi Th** đồng ý tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 232/1 Phan Đình Ph, Phường H, Thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 680046 do UBND Thành phố Đ cấp ngày 10/02/2009 đứng tên **Văn Thị Mi Th**, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01254; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18940094/2018/HĐBĐ/NHCT620, công chứng ngày 13/08/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/08/2018, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18940094/2020/HĐBĐ/NHCT620-SĐBS01, công chứng ngày 13/07/2020, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SĐBS02-18940094/2021/HĐBĐ/NHCT620, công chứng ngày 05/04/2021, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18940094-PL03/2021/HĐBĐ/NHCT620, công chứng ngày 03/12/2021, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất và tài sản gắn liền với đất số 18940094/2018/HĐBĐ/NHCT620-SĐBS04, công chứng ngày 28/07/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18940094/2018/HĐBĐ/NHCT620-SĐBS05, công chứng ngày 21/12/2023 tại Văn phòng Công chứng Phạm Thị Thuỳ Tr.

2.5. Ông Ngô Viết Minh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L đồng ý tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 895 (góc 244), tờ bản đồ số 8 (Đ94 –II) địa chỉ hẻm 19 Khởi Nghĩa Bắc S, Phường R, Thành phố Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 105069 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 06/04/2020, số vào sổ cấp GCN CS01093 theo hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số và tài sản gắn liền với đất số 20990048/2020/HĐBĐ/NHCT620, công chứng ngày 17/06/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/06/2020, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SĐBS01-20990048/2021/HĐBĐ/NHCT620, công chứng ngày 05/04/2021, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20990048-PL02/2021/HĐBĐ/NHCT620, công chứng ngày 03/12/2021 tại Văn phòng Công chứng Phạm Thị Thuỳ Tr cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP C T V N – Chi nhánh L.

Về nghĩa vụ Thi hành án: Kể từ ngày 01/4/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.6. Về án phí:

- Bà Văn Thị Mi Th nhận chịu 57.291.748 đồng (*năm mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Ngô Viết Minh N nhận chịu 59.801.155 đồng (*năm mươi chín triệu tám trăm lẻ một nghìn một trăm năm mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Ngô Viết Minh S nhận chịu 57.892.175 đồng (*năm mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C T V N số tiền 59.463.437 đồng (*năm mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001244 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C T V N số tiền 56.825.000 đồng (*năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001243 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C T V N số tiền 57.667.125 đồng (*năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001242 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP C T V N thỏa thuận nhận chịu 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đã được quyết toán xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS.tp Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Minh Hoà